

Bản án số: 204/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2. Bà Lương Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 863/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Trúc N, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ H, tỉnh L.

- Bị đơn: Anh Hồ Vĩnh L, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Trúc N trình bày tóm tắt như sau:

Chị và anh Hồ Vĩnh L cưới nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ H, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/4/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh L đam mê cờ bạc, không quan tâm vợ con. Vì thương con, chị đã nhiều lần khuyên anh thay đổi nhưng không có kết quả, hai bên đã không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị N xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Hồ Nhựt P, sinh ngày 06/12/2012 và Hồ Nhựt T, sinh ngày 07/02/2017.

Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định chị và anh Long không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Hồ Vĩnh L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc chị N xin ly hôn, nhưng anh L không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn Hồ Vĩnh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh L không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra chứng cứ, hòa giải. Chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Hồ Vĩnh L được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 02 mà vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị N và anh L cưới nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ H, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/4/2012, nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh L là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng: Chị N xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn với anh L. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, anh L không thể hiện ý chí muốn hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh L.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Chị N yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung tên là Hồ Nhựt P, sinh ngày 06/12/2012 và Hồ Nhựt T, sinh ngày 07/02/2017. Anh L không có ý kiến nào phản đối. Cháu P chưa đủ 07 tuổi, cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện do chị N trực tiếp nuôi dưỡng vẫn phát triển ổn định, bình thường. Do đó, trên cơ sở điều kiện hoàn cảnh của các bên và thực hiện quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử quyết định chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Trần Trúc N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Hồ Vĩnh L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Trúc N được ly hôn với anh Hồ Vĩnh L.
2. Về quyền nuôi con chung: Chị Trần Trúc N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Nhựt P, sinh ngày 06/12/2012 và Hồ Nhựt T, sinh ngày 07/02/2017.
3. Anh L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L theo quy định của pháp luật. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh L.
4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì chị N, anh L, người thân thích của cháu P, cháu T, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.
5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Trúc N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0002931 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí, nên chị N không phải nộp tiếp. Anh Hồ Vĩnh L không phải chịu án phí.
6. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.
7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
-UBND xã M;
-Đương sự;
-Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh